HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KHOA CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ VÀ NGOẠI GIAO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ
(HỆ CHẤT LƯỢNG CAO)

Hà Nội, tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1

1. Ngành đào tạo 1

2. Tên văn bằng 1

3. Cơ sở đào tạo và cấp bằng 1

4. Đơn vị tổ chức giảng dạy 1

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình 1

5.1. Căn cứ pháp lý 1

5.2. Căn cứ thực tiễn 2

6. Tiêu chí tuyển sinh 3

7. Thời gian đào tạo 3

8. Điều kiện tốt nghiệp 3

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp 4

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn 4

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ 5

1. Mục tiêu 5

1.1. Mục tiêu chung 5

1.2. Mục tiêu cụ thể 5

2. Chuẩn đầu ra 6

2.1. Về kiến thức 6

2.2. Về kỹ năng 7

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm 7

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập 10

4. Phương pháp đánh giá 12

4.1. Đánh giá học phần 12

4.2. Đánh giá kết quả học tập 13

4.3. Thang điểm 13
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa 14
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 14
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 14
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 15
3. Kiến thức bổ trợ 16
4. Kiến thức ngoại ngữ 17
5. Học phần kỹ năng 17
6. Kiến thức hướng nghiệp 17
7. Kiến thức tốt nghiệp 18
8. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra 19
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN 22
V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 26
VI. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN 28
1. Triết học Mác - Lênin 28
2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 28
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 29
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 29
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 30
6. Tin học 30
7. Giáo dục thể chất 31
8. Giáo dục quốc phòng - an ninh 31
9. Lịch sử văn minh thế giới 32
10. Xã hội học đại cương 32
11. Chính trị học đại cương 33
12. Lịch sử ngoại giao Việt Nam 33
13. Lịch sử các học thuyết chính trị 34
14. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế 34

15. Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại (1500-1945) 35
16. Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay) 35
17. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975 36
18. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay 36
19. Lý luận quan hệ quốc tế 37
20. Phân tích chính sách đối ngoại 37
21. Quản trị toàn cầu 38
22. Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh 39
23. Chính trị quốc tế hiện đại 39
24. Ngoại giao đa phương 40
25. Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh 41
26. An ninh Châu Á - Thái Bình Dương 42
27. Phân tích chính sách an ninh 43
28. Nghiên cứu Trung Quốc 43
29. Nghiên cứu Hoa Kỳ 44
30. Nghiên cứu ASEAN 45
31. Nghiên cứu EU 45
32. Nghiên cứu Nga 46
33. Kỹ thuật soạn thảo văn bản 47
34. Công tác ngoại giao 47
35. Đàm phán quốc tế 48
36. Phân tích sự kiện quốc tế 49
37. Quan hệ kinh tế quốc tế 50
38. Công pháp quốc tế 50
39. Truyền thông quốc tế 51
40. Các học phần ngoại ngữ 52

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
CỬ NHÂN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Quan hệ quốc tế

Mã ngành: 7310206

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo : Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế

3. Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Đơn vị tổ chức giảng dạy:

Khoa Chính trị Quốc tế & Ngoại giao, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6//2012.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6//2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

-Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 508/QĐ-HVNG ngày 10/8/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ Quốc tế của Đại học Victoria (New Zealand), Đại học Laval (Canada), và các trường đại học tại Hoa Kỳ để tham chiếu.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế hệ Chất lượng cao của Khoa Quốc tế học (Đại học KHXH & NV Hà Nội), Khoa Quan hệ Quốc tế (Đại học KHXH & NV Hồ Chí Minh), Khoa Quan hệ Quốc tế (Học viện Báo chí và Tuyên truyền) để tham chiếu.

- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên Học viện Ngoại giao và sinh viên hiện tại của Học viện Ngoại giao (sinh viên năm thứ 3 năm học 2020-

2021 của Học viện Ngoại giao).

- Kết quả phỏng vấn lấy ý kiến giảng viên.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định của ngành đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ của Học viện.
4	Tin học	Theo quy định của Học viện.
5	Giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất	- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện.

6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan, đơn vị đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bao gồm các bộ, ngành và địa phương.

- Nhóm 2: Làm việc ở các tổ chức quốc tế liên chính phủ, các tổ chức quốc tế phi chính phủ, đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam.

- Nhóm 3: Làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế.

- Nhóm 4: Làm các công việc giảng dạy và nghiên cứu cho các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Nhóm 5: Làm việc cho các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh; các tòa soạn báo, tạp chí phụ trách các vấn đề liên quan tới đối ngoại (cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên).

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Trên nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp ngành QHQT có khả năng học tiếp tục ngay lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc chuyên ngành Quan hệ quốc tế tại các trường Đại học, Học viện, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, và các chuyên ngành gần như Chính sách công, Chính trị so sánh.

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quan hệ quốc tế có nhiều cơ hội đạt được các học bổng danh giá như Fulbright, Chevening, AusAid, Eiffel, Eramus

Mundus… để tham gia các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại các trường uy tín ở nước ngoài.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân Quan hệ quốc tế (QHQT) hệ Chất lượng cao (CLC) nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước; đào tạo cử nhân QHQT có kiến thức chuyên sâu về quan hệ quốc tế, có kỹ năng chuyên sâu và cập nhật để làm việc độc lập và hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng kiến thức QHQT, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Chương trình đào tạo cử nhân QHQT hệ CLC nhằm trang bị cho người học vừa có kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu về QHQT và chính sách đối ngoại lại vừa có kiến thức đại cương về các ngành khoa học xã hội và nhân văn; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng đối ngoại.

- Người học có các kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực phát triển, dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng ngoại ngữ ở mức đọc và xử lý được các văn kiện và tài liệu chuyên môn về quan hệ quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp đối ngoại; có kỹ năng viết báo cáo, bài trình bày các nội dung liên quan đến công tác đối ngoại.

- Cử nhân ngành QHQT hệ CLC có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

- Nhóm kiến thức chung: Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị: Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trong thực tiễn. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- Nhóm kiến thức về khối ngành và ngành: Hiểu và vận dụng các nguyên lý, quy luật của lịch sử và xã hội trong phân tích các sự kiện và diễn tiến của QHQT. Phân tích được tác động của bối cảnh chính trị, xã hội, tiến trình phát triển của quan hệ quốc tế, lịch sử các học thuyết chính trị và lịch sử phát triển của chính sách đối ngoại Việt Nam đến hành vi của các chủ thể trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết quan hệ quốc tế, phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, phân tích chính sách để áp dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề quốc tế và chính sách đối ngoại trên thực tiễn. Vận dụng các kiến thức kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế vào giải thích và phân tích các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.

- Nhóm kiến thức chuyên ngành QHQT: Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề toàn cầu, chính trị quốc tế, an ninh quốc tế, khu vực học và chính sách đối ngoại vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Có kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán.

- Kỹ năng cá nhân: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng soạn thảo văn bản, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng tư duy giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Có ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc. Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cử nhân ngành QHQT có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác.

STT	MÃ	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ
2.1. KIẾN THỨC			
1	KT1	Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị: Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, CNXH khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề	3/6

		quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trong thực tiễn.	
2	KT2	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	3/6
3	KT3	Hiểu và vận dụng các nguyên lý, quy luật của lịch sử và xã hội trong phân tích các sự kiện và diễn tiến của QHQT.	3/6
4	KT4	Phân tích được tác động của bối cảnh chính trị, xã hội, tiến trình phát triển của quan hệ quốc tế, lịch sử các học thuyết chính trị và lịch sử phát triển của chính sách đối ngoại Việt Nam đến hành vi của các chủ thể trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam.	4/6
5	KT5	Hiểu và vận dụng được các lý thuyết quan hệ quốc tế, phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, phân tích chính sách để áp dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề quốc tế và chính sách đối ngoại trên thực tiễn.	5/6
6	KT6	Vận dụng các kiến thức kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế vào giải thích và phân tích các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.	4/6
7	KT7	Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề toàn cầu, chính trị quốc tế, an ninh quốc tế, khu vực học và chính sách đối ngoại vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam.	5/6

2.2. KỸ NĂNG			
8	KN1	Có kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm.	4/5
9	KN2	Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán…	4/5
10	KN3	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng soạn thảo văn bản, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng tư duy giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	4/5
11	KN4	Có ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.	4/5
12	KN5	Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.	3/5
2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
13	NLTC1	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu	4/5

		của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	
14	NLTC2	Có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác.	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ (%)
Giảng dạy		
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic.	40%
Thảo luận trên lớp, thảo luận nhóm, thuyết trình	Với quy mô lớp nhỏ, sinh viên sẽ được chia thành các nhóm để thực hành thảo luận và thuyết trình. Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng học phần.	20%
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.	20%

Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.	20%
Học tập		
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm.	15%
Học ở nhà (Tự học/ nghiên cứu trước tài liệu)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	15%
Học theo hình thức blended learning	Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ.	10%
Học cá nhân (Tự học/nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời.	15%
Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.	15%
Học lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được cái khái niệm từ đó nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế.	15%

Học theo dự án	Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với thực tế, rèn luyện kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá.	5%
Học tập thông qua thực tế trải nghiệm	Sinh viên chương trình Chất lượng cao được tham gia các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo với các chuyên gia đến từ Bộ Ngoại giao, các chính khách, Đại sứ và nhà ngoại giao đến từ các nước về các vấn đề của học phần. Sinh viên cũng được trải nghiệm các chuyến thăm thực tế đến các Đại sứ quán nước ngoài ở Việt Nam để tìm hiểu về các hoạt động thực tế của cơ quan đại diện ngoại giao.	5%
Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.	5%

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Điểm học phần được đánh giá qua tối thiểu 03 điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Trong đó:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần;

- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần;

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của học phần.

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần xác định được Trưởng Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F, P) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120** tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần Ngoại ngữ 2)

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

Stt	Nội dung	Số tín chỉ (TC)
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**	**13**
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**54**
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	04
	- Kiến thức cơ sở ngành	24
	- Kiến thức chuyên ngành	26
3	**Kiến thức bổ trợ**	**09**
4	**Kiến thức ngoại ngữ**	**16**
5	**Học phần kỹ năng**	**11**
6	**Kiến thức hướng nghiệp**	**05**
7	**Kiến thức tốt nghiệp**	**12**

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ*

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
7	*Giáo dục thể chất*	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
8	*Giáo dục quốc phòng - an ninh*	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

(* *không bao gồm số TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh*)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 54 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Kiến thức cơ sở khối ngành			***04 TC***	
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt
2	Xã hội học đại cương	FC.009.02	02	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành			***24 TC***	
1	Chính trị học đại cương	FC.010.02	02	Tiếng Việt
2	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	IR.001.02	02	Tiếng Việt
3	Lịch sử các học thuyết chính trị	IR.002.02	02	Tiếng Việt
4	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	IR.003.03	03	Tiếng Việt
5	Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại	IR.004.03	03	Tiếng Việt
6	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
7	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975	IR.006.03	03	Tiếng Việt
8	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
9	Lý luận quan hệ quốc tế	IR.008.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
Kiến thức chuyên ngành			***26 TC***	
<u>Bắt buộc</u>			***14 TC***	

1	Phân tích chính sách đối ngoại	IR.031.03	03	Tiếng Việt
2	Quản trị toàn cầu	IR.032.02	02	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
3	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh	IR.011.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
4	Chính trị quốc tế hiện đại	IR.012.03	03	Tiếng Việt
5	Ngoại giao đa phương	IR.013.03	03	Tiếng Việt
Tự chọn: Sinh viên chọn 04 trong 08 học phần sau:			***12 TC***	
1	Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh	IR.015.03	03	Tiếng Việt
2	An ninh Châu Á - Thái Bình Dương	IR.016.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
3	Phân tích chính sách an ninh	IR.018.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
4	Nghiên cứu Trung Quốc	IR.019.03	03	Tiếng Việt
5	Nghiên cứu Hoa Kỳ	IR.020.03	03	Tiếng Việt
6	Nghiên cứu ASEAN	IR.021.03	03	Tiếng Việt
7	Nghiên cứu EU	IR.022.03	03	Tiếng Việt
8	Nghiên cứu Nga	IR.023.03	03	Tiếng Việt

3. Kiến thức bổ trợ: **09 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
2	Công pháp quốc tế	IL.005.03	03	Tiếng Việt
3	Truyền thông quốc tế	IC.009.03	03	Tiếng Việt

4. Kiến thức ngoại ngữ: **16 tín chỉ**[**]

Stt	Tên học phần		Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ chính	Tiếng Anh	16	Tiếng Anh
2		Tiếng Pháp	16	Tiếng Pháp
3		Tiếng Trung Quốc	16	Tiếng Trung
4		Tiếng Nhật	16	Tiếng Nhật
5		Tiếng Hàn	16	Tiếng Hàn
6	Ngoại ngữ 2 (I-IV)		08	Tiếng Anh, Trung, Pháp, Nhật, Hàn

[**] *không bao gồm Ngoại ngữ 2*

(Sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn; điểm các học phần Ngoại ngữ 2 không được tính vào điểm Trung bình chung tích lũy. Phần thiết kế chương trình và mô tả các học phần Ngoại ngữ tại Phụ lục kèm theo

5. Học phần kỹ năng: **11 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.02	02	Tiếng Việt
2	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
3	Đàm phán quốc tế	IR.026.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ
4	Phân tích sự kiện quốc tế	IR.027.03	03	Tiếng Việt

6. Kiến thức hướng nghiệp: **05 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	AAD.028.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập tốt nghiệp	IR.029.03	03	Tiếng Việt

7. Kiến thức tốt nghiệp: **12 tín chỉ**

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Khoá luận tốt nghiệp	IR.030.12	12	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ

Sinh viên không viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ học 04 học phần trong nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn còn lại, tương đương với 12 tín chỉ.

8. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

TT	Học phần	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NLTC1	NLTC2
1.	Triết học Mác - Lênin	3							3						3
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3				3			3						3
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3							3						3
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3							3						3
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3							3						3
6.	Tin học đại cương												3	3	
7.	Giáo dục thể chất		3												
8.	Giáo dục quốc phòng - an ninh		3												
9.	Lịch sử văn minh thế giới			3					3					3	
10.	Xã hội học đại cương				3				3					3	
11.	Chính trị học đại cương					3	3			3				3	
12.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam				4				4					4	
13.	Lịch sử các học thuyết chính trị				3				3					3	
14.	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế					4					4			4	
15.	Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại			4					4					4	

16.	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại			4	4				4					4	
17.	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975				4							4		4	
18.	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay				4				4					4	
19.	Lý luận quan hệ quốc tế					4			4			4		4	
20.	Quan hệ kinh tế quốc tế						4		4					4	
21.	Công pháp quốc tế						4		4					4	
22.	Truyền thông quốc tế						4		4					4	
23.	Phân tích chính sách đối ngoại							5	4					4	4
24.	Quản trị toàn cầu							5	4					4	
25.	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh					4			4					4	
26.	Chính trị quốc tế hiện đại							5	4		4	4		4	
27.	Ngoại giao đa phương				5	5				4		4		4	
28.	Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh			4		4			4					4	
29.	An ninh châu Á - Thái Bình Dương							5			4			4	
30.	Phân tích chính sách an ninh					4		5			4			4	
31.	Nghiên cứu Trung Quốc				4				4					4	

32.	Nghiên cứu Hoa Kỳ				4			5			4	4		4	
33.	Nghiên cứu ASEAN				4				3					4	
34.	Nghiên cứu EU							5	4					4	
35.	Nghiên cứu Nga							4	4					4	
36.	Ngoại ngữ cơ sở I											3			
37.	Ngoại ngữ cơ sở II											3			
38.	Ngoại ngữ chuyên ngành NG I											3		4	
39.	Ngoại ngữ chuyên ngành NG II											4		4	
40.	Ngoại ngữ chuyên ngành NG III											4		4	
41.	Biên dịch I											4		4	
42.	Biên dịch II											4		4	
43.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản										4		3	4	
44.	Công tác ngoại giao	3			4					4	4				4
45.	Đàm phán quốc tế				4					4		4		4	
46.	Phân tích sự kiện quốc tế					4					4			4	
47.	Hướng nghiệp								4	4		4	3	4	4
48.	Thực tập tốt nghiệp					4	4	5		5	4	4	4	4	
49.	Khóa luận tốt nghiệp	4		4	4	5	5	5	4			4	4	4	4

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ
IIỌC KỲ 1		**17**
1	Triết học Mác - Lênin	03
2	Lịch sử văn minh thế giới	02
3	Xã hội học đại cương	02
4	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	02
5	Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại	03
6	Ngoại ngữ chính	03
7	Tin học	02
8	*Giáo dục thể chất*	*03*
9	*Ngoại ngữ 2 (I)*	*02*
HỌC KỲ 2		**15**
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02
2	Chính trị học đại cương	02
3	Lịch sử các học thuyết chính trị	02
4	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	03
5	Truyền thông quốc tế	03
6	Ngoại ngữ chính	03
7	*Giáo dục quốc phòng*	*08*
8	*Ngoại ngữ 2 (II)*	*02*
HỌC KỲ 3		**16**
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02
2	Công pháp quốc tế	03
3	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	03
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02
5	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975	03
6	Ngoại ngữ chính	03
7	*Ngoại ngữ 2 (III)*	*02*
HỌC KỲ 4		**16**
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	02

2	Công tác ngoại giao	03
3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	02
4	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	03
5	Lý luận quan hệ quốc tế	03
6	Ngoại ngữ chính	03
7	*Ngoại ngữ 2 (IV)*	*02*
HỌC KỲ 5		**16**
1	Đàm phán quốc tế	03
2	Phân tích chính sách đối ngoại	03
3	Quản trị toàn cầu	02
4	Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh	03
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	03
6	Ngoại ngữ chính	02
HỌC KỲ 6		**14**
1	Nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn	12
2	Ngoại ngữ chính	2
HỌC KỲ 7		**11**
1	Phân tích sự kiện quốc tế	03
2	Chính trị quốc tế hiện đại	03
3	Ngoại giao đa phương	03
4	Hướng nghiệp	02
HỌC KỲ 8		**15**
1	Thực tập cuối khóa	03
2	Khóa luận tốt nghiệp/ hoặc học nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn *	12

** Những sinh viên không viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ học 04 học phần trong nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn (còn lại), tương đương với 12 tín chỉ.*

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

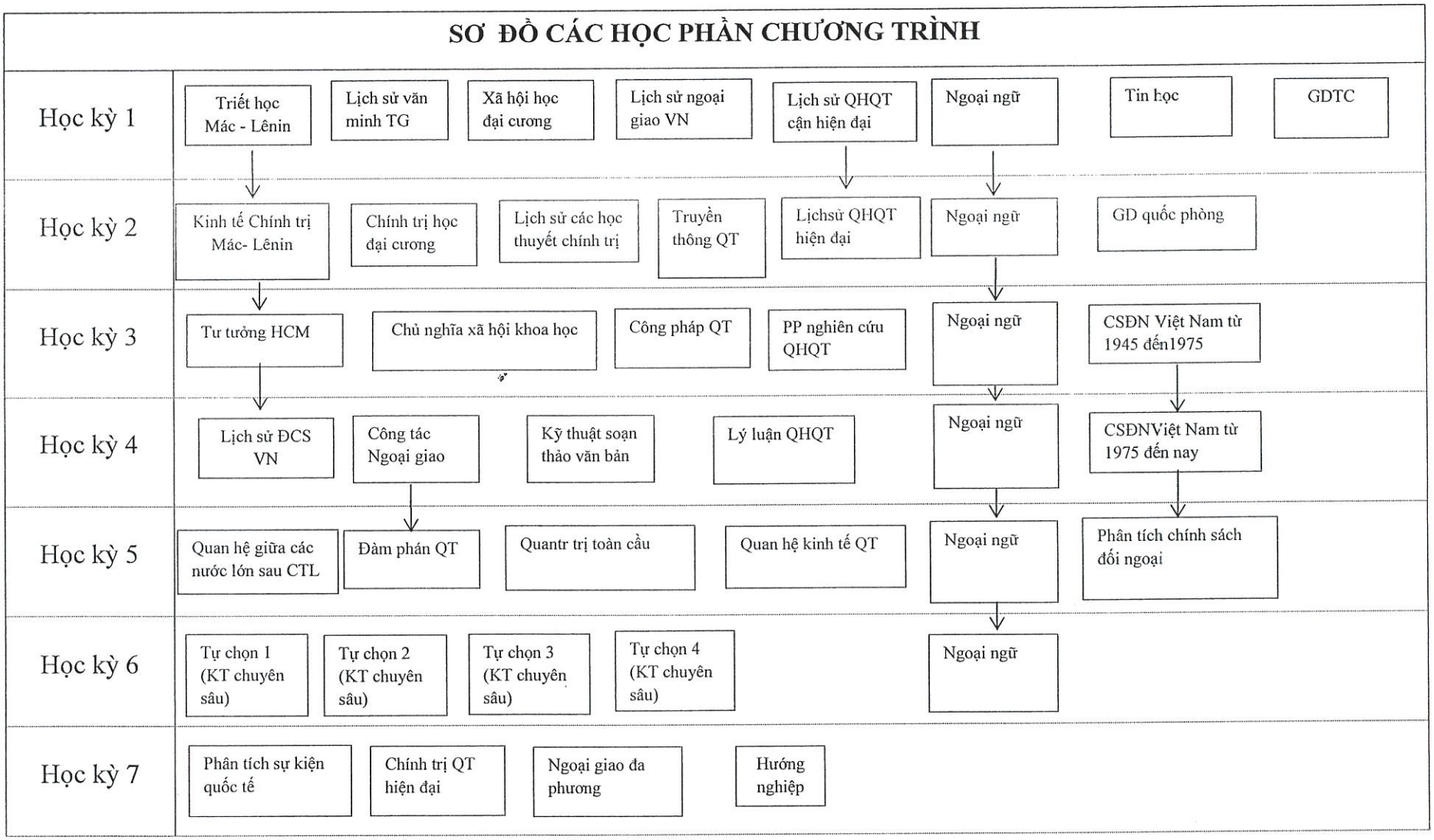

Học kỳ 8	Thực tập cuối khóa	Khóa luận tốt nghiệp	Tự chọn 1 (KT chuyên sâu)	Tự chọn 2 (KT chuyên sâu)	Tự chọn 3 (KT chuyên sâu)	Tự chọn 4 (KT chuyên sâu)
Danh sách các học phần tự chọn	Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu					
	1. An ninh châu Á - Thái Bình Dương 2. Xung đột quốc tế sau CTL 3. Phân tích chính sách an ninh 4. Nghiên cứu Trung Quốc 5 Nghiên cứu Hoa Kỳ 6. Nghiên cứu ASEAN 7. Nghiên cứu EU 8. Nghiên cứu Nga					

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Quy mô lớp nhỏ phù hợp để áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, từ đó tổ chức các hoạt động thảo luận, phiên toà mô phỏng.

2. Giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong ngành Ngoại giao. Các học phần được dạy cho lớp CLC được tăng cường buổi nói chuyện chuyên đề bởi các diễn giả uy tín là các chuyên gia, các Đại sứ, nhà ngoại giao chuyên nghiệp và các chuyên gia quốc tế có nhiều kinh nghiệm thực tiễn hành nghề trong lĩnh vực đối ngoại đến từ Bộ Ngoại giao Việt Nam và các trường đại học nước ngoài hợp tác với Học viện.

3. Sinh viên hệ chất lượng cao được tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học của DAV hoặc theo dự án nghiên cứu của Khoa, và được hỗ trợ xuất bản đồng tác giả cùng với giảng viên của Khoa.

4. Sinh viên theo học hệ chất lượng cao được học các học phần chuyên ngành QHQT bằng ngoại ngữ.

5. Sinh viên CLC được học thêm Ngoại ngữ 2 (Anh, Pháp, Trung, Hàn, Nhật)

6. Học phần hướng nghiệp được tổ chức cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao hướng tới đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo nhu cầu của thị trường, cụ thể:

- Sinh viên được định hướng nghề nghiệp và tư vấn bởi các Đại sứ, cựu Đại sứ, các chuyên gia, các doanh nghiệp;

- Sinh viên được tham dự các buổi nói chuyện hướng nghiệp của Bộ Ngoại giao và các bộ ngành, cơ quan nhà nước và tư nhân trong nhiều lĩnh vực khác nhau;

- Sinh viên được thực tập tại các Vụ chức năng của Bộ Ngoại giao;

- Sinh viên được tham dự workshop của các nhà tuyển dụng, từ đó nắm được yêu cầu tuyển dụng trên thực tế;

7. Sinh viên theo học hệ CLC sẽ được tham gia các chương trình ngoại khóa như:

- Các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo về các chủ đề của học phần.với các chuyên gia đến từ Bộ Ngoại giao, các chính khách, Đại sứ và nhà ngoại giao đến từ nhiều quốc gia khác nhau;

- Các chuyến thăm thực tế đến các Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam để tìm hiểu về các hoạt động thực tế của cơ quan đại diện ngoại giao.

8. Sinh viên theo học hệ CLC sẽ được cố vấn học tập hỗ trợ trong quá trình học tại Khoa.

9. Sinh viên theo học hệ CLC có nhiều cơ hội nhận học bổng trong nước cũng như nước ngoài hơn khi theo học chương trình thạc sĩ, tiến sĩ sau khi tốt nghiệp cử nhân

10. Bảng điểm và Phụ lục văn bằng có ghi chú hệ đào tạo CLC.

VI. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội, củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học,

kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng CSVN/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. Tin học

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị

cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

7. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần gồm 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

8. Giáo dục quốc phòng - an ninh

Số tín chỉ: **08**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần có 08 tín chỉ, bao gồm: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

9. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: **02**

Diều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở khối ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận - hiện đại với những nội dung: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những đóng góp cho văn minh nhân loại và phân biệt những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử các nền văn minh lớn trên thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại; hiểu và phân tích được những đặc điểm cơ bản của các nền văn minh; có khả năng vận dụng những nội dung đã học về lịch sử văn minh thế giới để liên hệ phân tích những vấn đề hiện tại; có thể liên hệ giữa những yếu tố văn minh thế giới với những bản sắc văn hóa Việt Nam. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới văn hóa và văn minh trên thế giới; có khả năng phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn quan hệ quốc tế và ngoại giao; biết quý trọng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nhận loại và tiếp nhận một cách có chọn lọc các giá trị đó để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

10. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần được kết cấu thành 09 chương, 09 chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nội dung thứ nhất bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học, chức năng của xã hội học, và mối quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác. Nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nội dung

cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên logic: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học đại cương trong việc phân tích, nghiên cứu đời sống xã hội; có thái độ khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu xã hội từ góc nhìn xã hội học.

11. Chính trị học đại cương

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Chính trị học đại cương cung cấp cho sinh viên những khái niêm, phạm trù cơ bản của chính trị học như: chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống chính trị, hoạt động chính trị, chủ thể hoạt động chính trị, quyết định chính trị, văn hóa chính trị, v.v… Môn học cũng giúp sinh viên hiểu biết về thực tiễn, xu hướng cơ bản của đời sống chính trị quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích chính trị và có thái độ chính trị đúng đắn.

12. Lịch sử ngoại giao Việt Nam

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hoạt động trong quan hệ giữa Việt Nam với bên ngoài từ thời Văn Lang cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, bao gồm: quan hệ Việt - Trung; Việt Nam - Đông Nam Á và Việt Nam - Phương Tây; những hoạt động quốc tế của Đảng. Sinh viên có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu ở thời chiến cũng như thời bình, từ đó giúp ích cho việc vận dụng vào sự nghiệp ngoại giao hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể bước đầu phân tích được

chính sách ngoại giao Việt Nam, có thái độ chính trị đúng đắn.

13. Lịch sử các học thuyết chính trị

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của các học thuyết chính trị từ thế kỷ XV đến nay, những ưu, nhược điểm và giá trị thực tế của mỗi học thuyết. Qua việc phân tích, đánh giá các học thuyết chính trị chủ yếu trong lịch sử, học phần sẽ là nền tảng để sinh viên tiếp cận những kiến thức lý luận chuyên sâu thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng nhận thức, hiểu và phân tích các học thuyết chính trị lớn và có thái độ chính trị đúng đắn.

14. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp những cách tiếp cận chính, phương pháp chủ yếu và những kỹ năng, thao tác cơ bản của công tác nghiên cứu như xử lý thông tin, viết và thuyết trình một vấn đề quốc tế. Qua đó, sinh viên nắm được các bước cần thiết trong việc xây dựng đề cương nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu... để có thể áp dụng cho quá trình làm tiểu luận, khóa luận và tranh luận các vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học.

Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các bước tiến hành nghiên cứu quan hệ quốc tế; có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan về quan hệ quốc tế, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập về quan hệ quốc tế.

15. Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại (1500-1945)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình vận động và phát triển của lịch sử quan hệ quốc tế, quan hệ chính trị giữa các quốc gia trong thời Cận đại và các cuộc chiến tranh thế giới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử quan hệ quốc tế từ 1500 đến 1945; nắm vững xu thế vận động và phát triển của quan hệ quốc tế thời cận - hiện đại; có kiến thức chuyên sâu về quan hệ giữa các quốc gia thời Cận đại để có thể học tiếp các học phần sau. Sinh viên hình thành tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế; có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế.

16. Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay)

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các vấn đề quốc tế hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức chuyên sâu về các mối quan hệ giữa các nước lớn để có thể học tiếp các học phần sau, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay và có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có tư duy phản

biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế.

17. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chính sách đối ngoại; giúp sinh viên nắm được nội dung đường lối, chính sách đối ngoại quan trọng, nổi bật của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam từ năm 1945-1975, có thể phân tích và đánh giá một chính sách đối ngoại cụ thể của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975, có khả năng phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn 1945-1975, có thể làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày một chính sách đối ngoại cụ thể.

18. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới và chính sách của Việt Nam với một số đối tác chính.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, các thành tố của chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại.

Sinh viên hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

19. Lý luận quan hệ quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế, hệ thống các phạm trù (khái niệm) chính, tính quy luật và quy luật vận động phát triển của quan hệ quốc tế; giúp sinh viên hình thành tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như hình thành phương pháp luận Mác xít, cách tiếp cận khoa học trong việc xem xét, phân tích, đánh giá thực chất và dự báo các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nắm được cơ bản và hệ thống về các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế, tính quy luật và quy luật vận động và phát triển của quan hệ quốc tế, có thể vận dụng các lý thuyết để hiểu và phân tích vấn đề quốc tế, có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có kỹ năng thuyết trình, tranh luận về các vấn đề thời sự quốc tế.

20. Phân tích chính sách đối ngoại

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lý thuyết và mô hình phân tích chính sách đối ngoại, bao gồm định nghĩa, nguồn lực, công cụ, mục tiêu, đánh giá, mô hình hoạch định, các nhân tố tác động đến việc hình thành chính sách đối ngoại thông qua các trường hợp nghiên cứu điển hình thực tế của

các quốc gia trên thế giới, để từ đó hiểu được quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về quá trình hoạch định chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối ngoại Việt Nam nói riêng; có thể áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn, có khả năng phân tích và đánh giá một chính sách đối ngoại cụ thể của Việt Nam với một đối tác; có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

21. Quản trị toàn cầu

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về toàn cầu hoá, các vấn đề toàn cầu và quản trị toàn cầu, nhấn mạnh tới các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, đói nghèo, di cư. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phân tích.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về toàn cầu hoá, quản trị toàn cầu và các vấn đề toàn cầu, có thể vận dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, có tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, tranh luận về các vấn đề toàn cầu trong việc phân tích các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế, bước đầu nắm được trách nhiệm của một công dân toàn cầu.

22. Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của của một số nước lớn hiện nay như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Ấn Độ. trên cơ sở đó, giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại, đồng thời áp dụng để hiểu đặc điểm, tính chất các mối quan hệ thiết lập dựa trên chính sách đối ngoại đó.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các đặc điểm và xu hướng trong quan hệ giữa các nước lớn, các tác động của chúng tới đời sống quốc tế đương đại, từ đó có cái nhìn toàn diện hơn về quan hệ quốc tế hiện đại, có thể vận dụng phân tích, giải thích và đánh giá một vấn đề cụ thể phát sinh trong quan hệ giữa các nước lớn, cũng như trong quan hệ quốc tế nói chung. Sinh viên có tư duy phản biện khi tiếp cận một vấn đề quốc tế cụ thể, có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán chiều hướng quan hệ giữa các nước lớn một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông khi phân tích một vấn đề quốc tế. Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích luỹ và mở rộng kiến thức và kỹ năng liên quan đến quan hệ giữa các nước lớn và quan hệ quốc tế nói chung.

23. Chính trị quốc tế hiện đại

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống và nâng cao kiến thức chuyên sâu về ngành quan hệ quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng và sự vận động của nền chính trị quốc tế hiện đại, các xu hướng lớn tác động đến chính trị quốc tế hiện nay như chuyển dịch quyền

lực, sự định hình trật tự thế giới mới, những quá trình tập hợp lực lượng, những trào lưu mới nổi như chủ nghĩa dân tộc, dân túy và những vấn đề mới nảy sinh và tác động của chúng đến sự phát triển của nền chính trị quốc tế đương đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững kiến thức và phương pháp luận tiếp cận nghiên cứu những vấn đề của nền chính trị quốc tế đương đại, có khả năng nắm bắt một số phạm trù, khái niệm chuyên sâu liên quan đến nền chính trị quốc tế cũng như một số đặc điểm chủ yếu của nền chính trị quốc tế hiện đại, có thể phân tích và đánh giá tác động của những xu hướng phát triển của nền chính trị quốc tế đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam. Sinh viên có tư duy hệ thống và phản biện trong việc phân tích các vấn đề chính trị quốc tế hiện nay, lý giải, phân tích và dự báo các xu hướng chính yếu của nền chính trị quốc tế hiện đại, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng phân tích sự kiện, thuyết trình và phản biện. Sinh viên có thể tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức liên quan tới chính trị quốc tế cũng như kiến thức liên ngành, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về sự vận động và phát triển của các vấn đề chính trị quốc tế và sự liên quan của chúng đến chiều hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam.

24. Ngoại giao đa phương

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn cần thiết về chủ nghĩa đa phương trên thế giới, sự vận hành của các thể chế đa phương quốc tế, thực tiễn ngoại giao đa phương của các nước và Việt Nam, những xu thế tác động đến sự phát triển của ngoại giao đa phương trong thế kỷ 21 và hàm ý cho công tác đối ngoại đa phương của Việt Nam; phần thực hành bao gồm mô phỏng hội nghị quốc tế, kỹ năng chủ trì, điều phối dẫn dắt, đàm phán và thuyết trình.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống

về mặt lý luận, khái niệm và vai trò của ngoại giao đa phương trong hệ thống quốc tế, kiến thức chuyên sâu về thực tiễn hoạt động của các thể chế đa phương quốc tế và ngoại giao đa phương của các nước trên thế giới, quá trình phát triển của đối ngoại đa phương Việt Nam qua các thời kỳ, ý nghĩa, vai trò của công tác đối ngoại đa phương trong chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Sinh viên hình thành khả năng tư duy hệ thống và phản biện trong việc phân tích các vấn đề ngoại giao đa phương, có kỹ năng cần thiết để hoạt động trong môi trường đa phương, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề đa phương cụ thể. Sinh viên có thể tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực ngoại giao đa phương, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về sự vận động và phát triển của ngoại giao đa phương trên thế giới và ở khu vực; có năng lực nghiên cứu các vấn đề đa phương và vận dụng kỹ năng ngoại giao đa phương trong thực tiễn và nhận thức tốt về vai trò, ý nghĩa của công tác đối ngoại đa phương trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam.

25. Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về xung đột và quá trình giải quyết xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh như: khái niệm, lịch sử, phương pháp phân tích, và phân loại các dạng thức xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh, những đặc điểm chính của tình hình xung đột trên thế giới sau Chiến tranh lạnh; bản chất và những nguyên nhân dẫn đến những xung đột này; các vấn đề mới nổi và biện pháp giải quyết xung đột đã và đang tiến hành hiện nay ở cấp độ toàn cầu và khu vực.

Qua học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về các vấn đề xung đột và giải quyết xung đột quốc tế Sau chiến tranh lạnh, có khả năng xác định các dạng thức xung đột quốc tế, bản chất và nguyên nhân của chúng, nắm vững các khái niệm và phương pháp tiếp cận nghiên cứu xung đột quốc tế

từ góc độ lý thuyết và lịch sử. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu và phân tích xung đột như cách tiếp cận hệ thống (ba cấp độ phân tích), phương pháp lịch sử, phương pháp dự báo để phân tích các cuộc xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới an ninh xung đột quốc tế, có cái nhìn khách quan, toàn diện về một trong những quá trình chính của chính trị quốc tế là xung đột quốc tế cũng như những giải pháp để hạn chế xung đột và tăng cường hợp tác trong QHQT; có nhận thức tốt về quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xung đột và giải quyết xung đột trong QHQT và vai trò của Việt Nam trong lĩnh vực này.

26. An ninh Châu Á - Thái Bình Dương

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn vấn đề lịch sử, hiện trạng và triển vọng của an ninh khu vực, cũng như tính đa dạng của các thách thức an ninh; giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích chính sách và quan hệ của các nước trong khu vực, các vấn đề cơ bản về an ninh khu vực như cấu trúc an ninh khu vực, cục diện khu vực, chính sách an ninh của các chủ thể chính trong khu vực, và những thách thức an ninh chủ yếu đang tồn tại ở Châu Á - TBD.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững những lý thuyết cơ bản về an ninh quốc tế và thực trạng an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, có kiến thức hệ thống và chuyên sâu về khung phân tích cục diện để làm sáng tỏ các vấn đề an ninh khu vực, có thể vận dụng các kiến thức trên để phân tích và lý giải các vấn đề an ninh của khu vực. Sinh viên hình thành tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích một vấn đề an ninh cụ thể của khu vực, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề cụ thể về an ninh khu vực, có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện,

tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến an ninh khu vực; có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực an ninh khu vực, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các diễn biến mới về an ninh khu vực, lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới các vấn đề an ninh của khu vực Châu Á - TBD.

27. Phân tích chính sách an ninh

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích chính sách an ninh của các quốc gia thông qua công cụ lý thuyết và thực hành, với các ví dụ điển hình về phân tích chính sách an ninh của Mỹ, Liên minh Châu Âu, sự hiểu biết sâu về tình hình an ninh hiện nay của Mỹ và Châu Âu cũng như những giải pháp đưa ra để giải quyết những thách thức an ninh trong khu vực này.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về quá trình phân tích chính sách an ninh của một quốc gia, có thể vận dụng các kiến thức trên để phân tích và lý giải quá trình hoạch định chính sách an ninh của các quốc gia; có tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách an ninh của một quốc gia, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày một vấn đề cụ thể về chính sách an ninh; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực an ninh quốc tế và phân tích chính sách an ninh; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề an ninh; có nhận thức tốt về vai trò của chính sách an ninh trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

28. Nghiên cứu Trung Quốc

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh

viên kiến thức cơ bản về Trung Quốc, đồng thời cung cấp những kiến thức cần thiết phục vụ phân tích chính sách đối ngoại Trung Quốc, bao gồm chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích nước lớn, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, ngoại giao của Trung Quốc; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến Trung Quốc; có tư duy phản biện trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính trị - đối ngoại của một nước. Sinh viên có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới Trung Quốc, nhất là về chính trị và đối ngoại của Trung Quốc; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề liên quan đến Trung Quốc.

29. Nghiên cứu Hoa Kỳ

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển đất nước Hoa Kỳ, đặc điểm của hệ thống chính trị và văn hóa Hoa Kỳ, quá trình hình thành và triển khai của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, đặc biệt là trong giai đoạn hậu Chiến tranh lạnh, cụ thể đối với khu vực có ý nghĩa đối với Việt Nam như Châu Á - Thái Bình Dương. Học phần giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có được kiến thức hệ thống và chuyên sâu về lịch sử và văn hóa Hoa Kỳ, kiến thức toàn diện về sự vận động của nền chính trị Hoa Kỳ và tác động tới chính sách đối ngoại Hoa kỳ, có hiểu biết sâu sắc phương pháp phân tích chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Sinh viên hình thành khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và tư duy nghiên cứu độc

lập; có độ nhạy bén về các vấn đề chính trị, ngoại giao của một đối tác, ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và xây dựng được tính kỷ luật trong công tác tác chiến và đối ngoại.

30. Nghiên cứu ASEAN

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về cơ sở lý thuyết, lịch sử hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), về bản chất của các cơ chế và lĩnh vực hợp tác cũng như các mối quan hệ đối ngoại của ASEAN và sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực, trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực.

Qua học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức về cơ sở lý thuyết cũng như lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN, kiến thức tương đối chuyên sâu về các lĩnh vực hợp tác và cơ chế hợp tác của ASEAN; có hiểu biết về các mối quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như vai trò của tổ chức này trong quan hệ quốc tế và sự tham gia, vai trò của Việt Nam trong ASEAN. Sinh viên hình thành kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến ASEAN; kỹ năng phản biện trong phân tích và đánh giá các lĩnh vực hợp tác, cơ chế hợp tác, quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như sự hợp tác của Việt Nam trong tổ chức này. Đồng thời, sinh viên có thể đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về ASEAN, hợp tác làm việc nhóm và tự học nâng cao kiến thức về ASEAN.

31. Nghiên cứu EU

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển của

Liên minh châu Âu (EU), những thành quả và hạn chế của quá trình nhất thể hóa châu Âu. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kiến thức chuyên sâu về Liên minh Châu Âu (EU) trên các vấn đề: tiến trình nhất thể hóa, các thể chế và quyết sách, các mối quan hệ quốc tế, những thách thức mà EU phải đối mặt, vai trò của EU trong quan hệ quốc tế và giải quyết các vấn đề toàn cầu, nắm vững phương pháp nghiên cứu khu vực, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các tổ chức khu vực và các tổ chức quốc tế cũng như vai trò của các tổ chức này trong quan hệ quốc tế. Sinh viên có khả năng áp dụng phương pháp nghiên cứu khu vực vào phân tích các vấn đề khu vực và quốc tế, làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một tổ chức khu vực, quốc tế cụ thể, đồng thời có thể tự học nâng cao kiến thức, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các thể chế chính trị quốc tế.

32. Nghiên cứu Nga

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về nước Nga và khu vực không gian hậu Xô Viết. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích về nước lớn, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản và hệ thống về nước Nga và không gian hậu Xô Viết, có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết, trình bày về một vấn đề cụ thể liên quan đến Nga và khu vực hậu Xô Viết; có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới

lĩnh vực Nga và hậu Xô Viết và những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết.

33. Kỹ thuật soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung, đặc biệt là văn bản hành chính và ngoại giao với các kỹ năng soạn thảo hai loại văn bản này; các nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quá trình soạn thảo văn bản để áp dụng vào thực tiễn công việc.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về các dạng văn bản quy phạm pháp luật, hành chính và ngoại giao trong thực tiễn hiện nay, kiến thức chuyên sâu về bố cục, văn phong và thể thức, kỹ thuật trình bày những văn bản hành chính và ngoại giao thông dụng theo quy định mới nhất của Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao Việt Nam ban hành, đủ kiến thức để hiểu và sử dụng đúng các loại văn bản. Sinh viên có thể phân biệt được đặc thù của các loại văn bản (quy phạm pháp luật, hành chính và ngoại giao); có khả năng soạn thảo được các văn bản hành chính thông dụng và một số văn bản ngoại giao cơ bản như công hàm và điện, thư thăm hỏi và chia buồn... Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và trau dồi các kỹ năng liên quan tới việc soạn thảo và trình bày các loại văn bản hành chính và ngoại giao theo đúng yêu cầu quy định về thể loại, thể thức và truyền đạt được thông điệp cần thiết; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về nội dung và thể thức của các văn bản cụ thể.

34. Công tác ngoại giao

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản

và hệ thống về công tác ngoại giao. Cụ thể, sinh viên được giới thiệu về những nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao; về các nghiệp vụ ngoại giao để có thể bắt đầu nghề ngoại giao; có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao; có khả năng tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới nghiệp vụ ngoại giao, đưa ra những ý kiến tham mưu về các vấn đề nghiệp vụ ngoại giao như lễ tân, báo chí, lãnh sự, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các sự kiện ngoại giao.

35. Đàm phán quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần nhằm giúp người học nắm bắt được bản chất của đàm phán, các khái niệm cơ bản, mô hình và cách thức vận hành của các cuộc đàm phán song phương cũng như đa phương; các nhân tố chi phối các cuộc đàm phán quốc tế, ảnh hưởng của văn hóa đối với các cuộc đàm phán giữa các quốc gia. Học phần giúp người học nắm được và áp dụng các phương pháp xây dựng chiến lược đàm phán, kỹ thuật tổ chức một cuộc đàm phán, các chiến thuật, thủ thuật khi đàm phán, thuyết phục đối phương và các cách thức khai thác tâm lý để đạt được mục tiêu đàm phán.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phân tích được các cuộc đàm phán quốc tế trong lịch sử nhằm xác định các nguyên nhân thành công và

thất bại để rút ra bài học; đánh giá được tình trạng của các cuộc đàm phán đang diễn ra, xác định được những vấn đề cần tháo gỡ cho các cuộc đàm phán đang bị bế tắc; biết thu thập, phân loại, tổng hợp thông tin để chuẩn bị cho một cuộc đàm phán; thiết kế được đề án đàm phán và đề xuất được chiến lược hợp lý để đạt được mục tiêu đàm phán. Sinh viên biết vận dụng được các kỹ năng tổ chức đàm phán, bao gồm việc xác định và sắp xếp các công việc cần thiết theo trình tự khoa học để đạt hiệu quả đàm phán; vận dụng được các loại chiến thuật trong đàm phán, nhất là các thủ thuật nhằm thuyết phục đối phương và những cách thức đối phó với các trạng thái tâm lý khác nhau của đối phương.

36. Phân tích sự kiện quốc tế

Số tín chỉ : **03**

Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm. Thông qua hệ thống bài tập thực hành (viết hoặc làm băng hình), học phần giúp sinh viên hình thành những kỹ năng phân tích sự kiện cơ bản. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nắm vững những kiến thức cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại, có kiến thức toàn diện về: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm của các sự kiện quốc tế, giúp sinh viên phát hiện những vấn đề nghiên cứu, có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể; có kỹ năng chọn lọc thông tin và xử lý dữ liệu liên quan đến một vấn đề quốc tế, bước đầu có kỹ năng dự đoán về một vấn đề, sự kiện trong hệ thống quốc tế, nâng cao kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có độ nhạy bén, khách quan về một vấn đề quốc tế, có ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, có tinh thần chủ động, độc lập trong nghiên cứu và tác chiến.

37. Quan hệ kinh tế quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư quốc tế; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức các lý thuyết về kinh tế quốc tế để giải thích được các vấn đề về kinh tế thế giới và liên hệ với các xu thế mới trên thế giới. Đồng thời, sinh viên biết vận dụng các phương pháp kinh tế để phân tích, viết báo cáo về các sự kiện kinh tế, kỹ năng thuyết trình, lập luận, phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

38. Công pháp quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền, nhân đạo quốc tế, dân cư, quốc tịch, luật ngoại giao, lãnh sự và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng; vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề pháp lý quốc tế.

39. Truyền thông quốc tế

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của truyền thông quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau môn học, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bàn về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế; từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau đồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

40. Các học phần ngoại ngữ

(Xem Phụ lục về Chương trình đào tạo ngoại ngữ)

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2021

Q. GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**
TS. Phạm Lan Dung	**TS. Nguyễn Tuấn Việt**